

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy tắc chung cho các chỉ số chứng khoán tại HOSE phiên bản 1.0

CHỦ TỊCH CÔNG TY
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-HĐTV ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-HĐTV ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác các chỉ số chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con;

Căn cứ Công văn số 1314/SGDVN-CLPT ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc chấp thuận và phân quyền ban hành các Quy tắc chỉ số tổ chức lại của HOSE;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy tắc chung cho các chỉ số chứng khoán tại HOSE phiên bản 1.0.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 747/QĐ-SGDHCM ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch công ty Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index phiên bản 4.0.



Điều 3. Ban Điều hành, Giám đốc phòng Thông tin thị trường, Giám đốc các đơn vị thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCKNN, VNX (để báo cáo);
- Lưu: VT, TTTT (.5.).

ph

Q. CHỦ TỊCH CÔNG TY



Trịnh Sơn Hồng



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HOCHIMINH
STOCK EXCHANGE

**QUY TẮC CHUNG CHO
CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TẠI HOSE**
GROUND RULES FOR HOSE EQUITY INDICES

Phiên bản 1.0

(Kèm theo Quyết định số 136/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 9 năm 2026 của
Chủ tịch công ty Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)



Thành phố Hồ Chí Minh

Tháng 9 - 2026

MỤC LỤC

1.	GIỚI THIỆU CHUNG	4
2.	TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH CHỈ SỐ.....	4
3.	QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHỈ SỐ.....	5
4.	ĐỊNH NGHĨA ÁP DỤNG	6
5.	SÀNG LỌC RỎ CHỈ SỐ ĐỊNH KỲ	8
6.	ĐIỀU CHỈNH TRONG KỲ ĐỐI VỚI RỎ CHỈ SỐ	9
7.	THAY THẾ CỎ PHIẾU BỊ LOẠI KHỎI RỎ CHỈ SỐ.....	10
8.	PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CHỈ SỐ GIÁ.....	10
9.	PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CHỈ SỐ TỔNG THU NHẬP.....	17
10.	CHÍNH SÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	18
11.	THÔNG TIN LIÊN HỆ.....	19



LỊCH SỬ THAY ĐỔI QUY TẮC CHỈ SỐ

Phiên bản	Nội dung
1.0	- Chuẩn hóa và thống nhất các quy định xây dựng và quản lý các chỉ số chứng khoán tại HOSE trên cơ sở Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index phiên bản 4.0. - Điều chỉnh Ngày công bố kết quả và Ngày hiệu lực của các kỳ xem xét định kỳ/cập nhật thông tin.

1. GIỚI THIỆU CHUNG

- 1.1. Quy tắc chung cho các chỉ số chứng khoán tại HOSE (sau đây gọi tắt là Quy tắc chỉ số chung) và các Quy tắc chỉ số cụ thể được ban hành sau khi được Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (viết tắt là VNX) phê duyệt.
- 1.2. Quy tắc chỉ số chung quy định các quy tắc để làm cơ sở cho việc quản lý và vận hành chỉ số hàng ngày của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là HOSE) theo phân quyền của VNX.
- 1.3. Ngoại trừ các nội dung được nêu cụ thể tại các Quy tắc chỉ số cụ thể, tất cả những nội dung liên quan được áp dụng theo quy định tại Quy tắc chỉ số chung này.
- 1.4. Quy tắc chỉ số chung và/hoặc các Quy tắc chỉ số cụ thể có thể được sửa đổi, bổ sung, hoặc hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ tại bất kỳ thời điểm nào. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ các quy tắc có thể dẫn đến những thay đổi trong việc xây dựng và quản lý chỉ số hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến các chỉ số.
- 1.5. Quyền sở hữu trí tuệ đối với Quy tắc chỉ số chung, các Quy tắc chỉ số cụ thể và chỉ số bao gồm tên, thành phần và việc tính toán chỉ số thuộc về VNX, HOSE. Ngoại trừ các trường hợp không phải xin phép và trường hợp ngoại lệ theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ, việc sao chép một phần hay toàn bộ Quy tắc chỉ số chung, các Quy tắc chỉ số cụ thể mà chưa có sự cho phép của VNX hoặc HOSE đều bị coi là xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH CHỈ SỐ

2.1. Quản lý và vận hành chỉ số

HOSE thực hiện quản lý và vận hành chỉ số hàng ngày theo phân quyền của VNX.

Trong trường hợp phát sinh các sự kiện chưa được đề cập trong Quy tắc chỉ số chung, sau khi báo cáo VNX, HOSE có thể sử dụng các biện pháp điều chỉnh phù hợp nhằm đảm bảo lợi ích cao nhất cho nhà đầu tư và thị trường.

Trong quá trình vận hành, trường hợp phát sinh các sự việc, khiếu nại liên quan đến chỉ số và danh mục cổ phiếu thành phần của chỉ số hoặc phát sinh các sự việc liên quan đến chỉ số và danh mục cổ phiếu thành phần của chỉ số mà chưa có quy định tại các Quy tắc chỉ số, HOSE báo cáo VNX để xem xét, cho ý kiến xử lý.

Nếu một trường hợp ngoại lệ nào đó được chấp nhận thì điều này không tạo ra tiền lệ cho các quyết định sau này của VNX và HOSE.

2.2. Chính sách sửa lỗi

Với mục tiêu duy trì chỉ số có tiêu chuẩn cao nhất về độ chính xác, toàn vẹn, tin cậy về nguồn dữ liệu và tuân theo thông lệ tốt nhất trong quy trình thống kê và vận hành, các sai sót về dữ liệu trong quá trình tính toán sẽ được điều chỉnh và

người sử dụng chỉ số sẽ được thông báo kịp thời. Tuy nhiên, các sai sót nhỏ phát sinh không ảnh hưởng lớn đến tính chính xác của chỉ số sẽ được điều chỉnh mà không nhất thiết phải thông báo.

2.3. Tính toán lại chỉ số

Chỉ số sẽ được tính toán lại khi có sai lệch đáng kể. Người sử dụng chỉ số sẽ được thông báo trong thời gian sớm nhất.

2.4. Căn cứ vào mục đích của Quy tắc chỉ số chung, các Quy tắc chỉ số cụ thể và khả năng sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ Quy tắc chỉ số chung và/hoặc các Quy tắc chỉ số cụ thể theo từng thời điểm, VNX và HOSE (và bất kỳ cá nhân nào liên quan đến công tác chuẩn bị hay công bố Quy tắc chỉ số) không chịu trách nhiệm pháp lý về bất kỳ những thua lỗ, mất mát, khiếu kiện, tổn thất hay chi phí phát sinh của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào do một hoặc nhiều nguyên nhân sau:

- (i) Tin tưởng vào Quy tắc chỉ số chung, các Quy tắc chỉ số cụ thể hoặc dữ liệu của các cổ phiếu thành phần trong rổ chỉ số; và/hoặc,
- (ii) Những sai sót hoặc nội dung không chính xác trong Quy tắc chỉ số chung, các Quy tắc chỉ số cụ thể; và/hoặc,
- (iii) Những sai sót hoặc không chính xác trong việc thu thập và sử dụng dữ liệu liên quan đến xác định cổ phiếu không tự do chuyển nhượng; và/hoặc,
- (iv) Việc không áp dụng hoặc áp dụng sai những chính sách và quy trình được mô tả trong Quy tắc chỉ số chung, các Quy tắc chỉ số cụ thể; và/hoặc,
- (v) Những sai sót hoặc không chính xác trong việc biên soạn, tính toán chỉ số hoặc dữ liệu của các cổ phiếu thành phần trong rổ chỉ số.

Trong phạm vi quyền hạn của mình, sau khi báo cáo VNX, HOSE sẽ tiến hành mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo tính chính xác của Quy tắc chỉ số chung, các Quy tắc chỉ số cụ thể và các dữ liệu thành phần của chỉ số cũng như việc tính toán, điều chỉnh và công bố chỉ số theo các quy tắc phù hợp.

3. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHỈ SỐ

3.1. Tên chỉ số, tên tiếng Anh của chỉ số, tên viết tắt của chỉ số được quy định tại Quy tắc chỉ số cụ thể.

3.2. Chỉ số giá được tính toán dựa trên giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh tỷ lệ free-float và có thể áp dụng giới hạn tỷ trọng vốn hóa, giới hạn trọng số khác (theo quy định tại Quy tắc chỉ số cụ thể).

Chỉ số giá được tính toán theo thời gian thực và công bố 5 giây/lần vào tất cả các ngày giao dịch hoặc theo quy định tại Quy tắc chỉ số cụ thể.

3.3. Chỉ số tổng thu nhập có thể được tính tùy theo chỉ số cụ thể.

Chỉ số tổng thu nhập được tính toán dựa trên chỉ số gốc là Chỉ số giá tương ứng, thể hiện biến động giá và giá trị cổ tức của các cổ phiếu thành phần được tái đầu tư vào chỉ số.

Chỉ số tổng thu nhập được tính toán một lần và công bố vào thời điểm cuối ngày giao dịch.

- 3.4. Ngày cơ sở và điểm cơ sở của chỉ số được quy định tại Quy tắc chỉ số cụ thể.
- 3.5. Danh mục cổ phiếu thành phần của chỉ số (rổ chỉ số) được xem xét định kỳ hàng quý/bán niên/thường niên và cập nhật thông tin rổ chỉ số hàng quý (tỷ lệ free-float, khối lượng lưu hành tính chỉ số, giới hạn tỷ trọng vốn hóa, danh mục cổ phiếu thành phần (nếu có), ...) theo quy định tại Quy tắc chỉ số cụ thể.

4. ĐỊNH NGHĨA ÁP DỤNG

- 4.1. Ngày chốt dữ liệu, Ngày công bố kết quả và Ngày hiệu lực của các kỳ xem xét định kỳ/cập nhật thông tin được quy định tại bảng sau:

	Ngày chốt dữ liệu	Ngày công bố kết quả	Ngày hiệu lực
Kỳ tháng 1	Ngày giao dịch cuối cùng của tháng 12.	Thứ Hai lần thứ 1 của tháng 2.	Thứ Hai lần thứ 3 của tháng 2.
Kỳ tháng 4	Ngày giao dịch cuối cùng của tháng 3.	Thứ Hai lần thứ 1 của tháng 5.	Thứ Hai lần thứ 3 của tháng 5.
Kỳ tháng 7	Ngày giao dịch cuối cùng của tháng 6.	Thứ Hai lần thứ 1 của tháng 8.	Thứ Hai lần thứ 3 của tháng 8.
Kỳ tháng 10	Ngày giao dịch cuối cùng của tháng 9.	Thứ Hai lần thứ 1 của tháng 11.	Thứ Hai lần thứ 3 của tháng 11.

- 4.2. **Thời gian niêm yết trên HOSE:** được tính từ ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu trên HOSE.
- 4.3. **Giá trị giao dịch (GTGD):** là bình quân của trung vị giá trị giao dịch hàng ngày trong tháng của 12 tháng gần nhất tính tới Ngày chốt dữ liệu. Giá trị giao dịch hàng ngày bao gồm giao dịch khớp lệnh và giao dịch thỏa thuận (tham khảo cách tính bình quân của trung vị tại Phụ lục).
- 4.4. **Giá trị giao dịch khớp lệnh (GTGD_KL):** là bình quân của trung vị giá trị giao dịch khớp lệnh hàng ngày trong tháng của 12 tháng gần nhất tính tới Ngày chốt dữ liệu (tham khảo cách tính bình quân của trung vị tại Phụ lục).
- 4.5. **Khối lượng giao dịch khớp lệnh (KLGD_KL):** là bình quân của trung vị khối lượng giao dịch khớp lệnh hàng ngày trong tháng của 12 tháng gần nhất tính tới Ngày chốt dữ liệu (tham khảo cách tính bình quân của trung vị tại Phụ lục).

Đối với cổ phiếu có thời gian niêm yết dưới 12 tháng, GTGD, GTGD_KL và KLGD_KL được tính lần lượt là bình quân của trung vị giá trị giao dịch, giá trị giao dịch khớp lệnh và khối lượng giao dịch khớp lệnh hàng ngày trong tháng từ thời điểm niêm yết tới Ngày chốt dữ liệu.

4.6. Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành là khối lượng cổ phiếu đã phát hành trừ đi số cổ phiếu công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ. Cổ phiếu đang lưu hành được phân làm hai loại gồm: cổ phiếu không tự do chuyển nhượng và cổ phiếu tự do chuyển nhượng.

4.7. Tỷ lệ free-float (f) chưa làm tròn: là tỷ lệ khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng so với khối lượng cổ phiếu đang lưu hành, được tính theo công thức sau:

$$f = \frac{\text{Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành} - \text{Khối lượng cổ phiếu không tự do chuyển nhượng}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Cổ phiếu không tự do chuyển nhượng bao gồm một trong các trường hợp sau:

- Cổ phiếu thuộc sở hữu của cổ đông nhà nước;
- Cổ phiếu thuộc sở hữu của cổ đông chiến lược;
- Cổ phiếu thuộc sở hữu của cổ đông nội bộ và người có liên quan;
- Cổ phiếu thuộc sở hữu của cổ đông lớn và cổ đông nắm giữ từ 4 đến 5%;
- Cổ phiếu thuộc sở hữu chéo trực tiếp giữa các công ty niêm yết;
- Cổ phiếu của các đối tượng còn trong thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật như: cổ đông sáng lập, phát hành riêng lẻ dưới 100 nhà đầu tư, phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên, cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của doanh nghiệp FDI khi chuyển sang công ty cổ phần, và các trường hợp hạn chế chuyển nhượng khác theo quy định.

4.8. Khối lượng lưu hành tính chỉ số là khối lượng cổ phiếu đang lưu hành được điều chỉnh theo quy định tại Mục 8.1.2 Quy tắc này.

4.9. Giá trị vốn hóa (GTVH): là bình quân của giá trị vốn hóa hàng ngày trong 12 tháng gần nhất tính tới Ngày chốt dữ liệu.

Đối với cổ phiếu có thời gian niêm yết dưới 12 tháng, GTVH được tính là bình quân của giá trị vốn hóa hàng ngày từ thời điểm niêm yết tới Ngày chốt dữ liệu.

4.10. Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float (GTVH_f): là $GTVH \times f$ chưa làm tròn.

4.11. Tỷ suất quay vòng: là $GTGD/GTVH_f$.

4.12. Cổ phiếu đủ tư cách tham gia vào chỉ số là cổ phiếu **KHÔNG** thuộc một trong các diện sau đây:

- Cổ phiếu thuộc diện bị *cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, hạn chế giao dịch, tạm ngừng giao dịch* (ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do

thực hiện các sự kiện doanh nghiệp như tách/gộp cổ phiếu, chia tách/sáp nhập, ... dưới 30 ngày giao dịch), **đình chỉ giao dịch** trong vòng **03 tháng** tính đến Ngày chốt dữ liệu.

- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE **dưới 6 tháng** tính đến Ngày chốt dữ liệu, ngoại trừ cổ phiếu niêm yết trên HOSE có **GTVH** thuộc **Top-5** và thời gian niêm yết **trên 03 tháng**.

4.13. Chuẩn phân ngành GICS®

Cổ phiếu niêm yết trên HOSE được S&P Dow Jones Indices và MSCI thực hiện phân ngành theo chuẩn phân ngành GICS®.

GICS® (Global Industry Classification Standard) là chuẩn phân ngành dành cho thị trường chứng khoán do S&P Dow Jones Indices kết hợp với MSCI xây dựng. GICS® là thương hiệu độc quyền của S&P Dow Jones Indices và MSCI và cấp quyền cho HOSE sử dụng.

Thông tin về chuẩn phân ngành GICS® được S&P Dow Jones Indices và MSCI chịu trách nhiệm quản lý, công bố và được HOSE cập nhật tại trang thông tin điện tử: www.hsx.vn.

Thông tin phân ngành để sàng lọc rõ và tính giới hạn tỷ trọng vốn hóa là thông tin tại Ngày chốt dữ liệu xem xét định kỳ của từng chỉ số cụ thể theo quy định tại Mục 4.1 Quy tắc này.

5. SÀNG LỌC RỎ CHỈ SỐ ĐỊNH KỲ

5.1. Các bước sàng lọc rõ chỉ số định kỳ

Các bước xác lập rõ chỉ số lần đầu/định kỳ được thực hiện theo quy định tại Quy tắc chỉ số cụ thể.

5.2. Cập nhật rõ chỉ số trước Ngày hiệu lực

Trong khoảng thời gian từ Ngày chốt dữ liệu đến Ngày hiệu lực, rõ chỉ số chính thức và rõ chỉ số dự phòng (nếu có) sẽ tiếp tục được cập nhật, loại các cổ phiếu nếu rơi vào một trong các diện sau đây:

5.2.1. Diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin; hoặc

5.2.2. Diện bị kiểm soát, hạn chế giao dịch, tạm ngừng giao dịch (*ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện các sự kiện doanh nghiệp như việc tách/gộp cổ phiếu, chia tách/sáp nhập, ... dưới 30 ngày giao dịch*), đình chỉ giao dịch, hủy bỏ niêm yết; hoặc

5.2.3. Các diện khác theo quy định tại Quy tắc chỉ số cụ thể.

Việc thay thế cổ phiếu bị loại sẽ được thực hiện theo quy định tại Mục 7 Quy tắc này.

6. ĐIỀU CHỈNH TRONG KỲ ĐỐI VỚI RỔ CHỈ SỐ

STT	Trường hợp điều chỉnh	Quy định điều chỉnh
6.1	Cổ phiếu bị rơi vào một trong các diện theo quy định tại Mục 5.2.2 Quy tắc này.	Cổ phiếu sẽ bị loại khỏi rổ chỉ số vào ngày hiệu lực và được thay thế theo quy định tại Mục 7 Quy tắc này.
6.2	Sáp nhập và mua lại	
	a. Sáp nhập giữa các công ty có cổ phiếu là thành phần của chỉ số	- Cổ phiếu của công ty nhận sáp nhập vẫn là cổ phiếu thành phần của chỉ số, sẽ được điều chỉnh một số thông tin liên quan (khối lượng lưu hành tính chỉ số, tỷ lệ free-float và giới hạn tỷ trọng vốn hóa). - Cổ phiếu của công ty bị sáp nhập sẽ bị loại khỏi rổ chỉ số và được thay thế theo quy định tại Mục 7 Quy tắc này.
	b. Công ty có cổ phiếu thuộc chỉ số bị mua lại bởi công ty khác có cổ phiếu không thuộc chỉ số	- Cổ phiếu công ty ban đầu trong rổ chỉ số sẽ bị loại khỏi rổ chỉ số và được thay thế theo quy định tại Mục 7 Quy tắc này. - Cổ phiếu công ty mới hình thành sẽ được xem xét tham gia vào rổ chỉ số tại kỳ kế tiếp nếu đáp ứng các điều kiện sàng lọc.
6.3	Chia hoặc tách công ty	
	a. Chia công ty (Công ty bị chia chấm dứt tồn tại)	- Cổ phiếu các công ty mới hình thành sẽ được xem xét tham gia vào rổ chỉ số tại kỳ kế tiếp nếu đáp ứng các điều kiện sàng lọc. - Cổ phiếu của công ty bị chia sẽ bị loại khỏi rổ chỉ số và được thay thế theo quy định tại Mục 7 Quy tắc này.
	b. Tách công ty (Công ty bị tách không chấm dứt tồn tại)	- Cổ phiếu công ty bị tách vẫn là cổ phiếu thành phần của chỉ số, sẽ được điều chỉnh một số thông tin liên quan (khối lượng lưu hành tính chỉ số, tỷ lệ free-float và giới hạn tỷ trọng vốn hóa).

		- Cổ phiếu công ty được tách mới sẽ được xem xét tham gia vào rổ chỉ số tại kỳ kế tiếp nếu đáp ứng các điều kiện sàng lọc.
6.4	Các trường hợp khác	Theo quy định tại Quy tắc chỉ số cụ thể

7. THAY THẾ CỔ PHIẾU BỊ LOẠI KHỎI RỔ CHỈ SỐ

Cổ phiếu bị loại khỏi rổ chỉ số có thể được thay thế theo quy định tại Quy tắc chỉ số cụ thể.

8. PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CHỈ SỐ GIÁ

Chỉ số được tính toán theo công thức sau :

$$\text{Chỉ số} = \frac{\text{CMV}}{\text{Hệ số chia}}$$

8.1. Công thức tính CMV (Giá trị vốn hóa thị trường hiện tại)

$$\text{CMV} = \sum_{i=1}^n (p_i \times s_i \times f_i \times c_i \times g_i)$$

- $i = 1, 2, 3, \dots, n$
- n : số cổ phiếu trong rổ chỉ số
- p_i : giá của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán theo quy định tại Mục 8.1.1 Quy tắc này
- s_i : khối lượng lưu hành tính chỉ số của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán theo quy định tại Mục 8.1.2 Quy tắc này
- f_i : tỷ lệ free-float của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán theo quy định tại Mục 8.1.3 Quy tắc này
- c_i : giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu (%), được xác định theo Mục 8.1.4 Quy tắc này
- g_i : các giới hạn trọng số của cổ phiếu (%), được xác định theo Mục 8.1.5 Quy tắc này

8.1.1. Giá để tính toán chỉ số (p)

Giá để tính toán chỉ số là giá khớp lệnh gần nhất của các cổ phiếu trong rổ chỉ số tính đến thời điểm chỉ số được tính. Trường hợp không có giá khớp lệnh thì sẽ lấy giá đóng cửa gần nhất của cổ phiếu đó hoặc giá đóng cửa điều chỉnh đối với cổ phiếu có xảy ra sự kiện doanh nghiệp (không bao gồm sự kiện chia cổ tức bằng tiền mặt thông thường).

8.1.2. Khối lượng lưu hành tính chỉ số (s)

- 8.1.2.1. Thay đổi khối lượng lưu hành tính chỉ số do phát sinh từ sự kiện doanh nghiệp của các cổ phiếu thành phần sẽ được cập nhật và áp dụng đồng thời với sự kiện doanh nghiệp.
- 8.1.2.2. Đối với các trường hợp khác ngoài sự kiện doanh nghiệp, khối lượng lưu hành tính chỉ số của tất cả cổ phiếu thành phần trong chỉ số sẽ được điều chỉnh toàn bộ theo định kỳ 3 tháng/lần theo thời gian được quy định tại Mục 4.1 Quy tắc này.
- 8.1.2.3. Khi điều chỉnh khối lượng lưu hành tính chỉ số, Hệ số chia sẽ được điều chỉnh để đảm bảo tính liên tục của chỉ số theo quy định tại Mục 8.2 Quy tắc này.
- 8.1.2.4. Trong những trường hợp đặc biệt, HOSE có thể xem xét điều chỉnh khối lượng lưu hành tính chỉ số vào giữa kỳ.

8.1.3. Tỷ lệ free-float (f)

- 8.1.3.1. Tỷ lệ free-float chưa làm tròn sẽ được làm tròn để tính toán chỉ số và giới hạn tỷ trọng theo nguyên tắc sau:

- Với tỷ lệ free-float chưa làm tròn $\leq 15\%$, làm tròn lên theo bước 1%.
- Với tỷ lệ free-float chưa làm tròn $> 15\%$, làm tròn lên theo bước 5%.

Tỷ lệ free-float chưa làm tròn	f làm tròn
$\leq 1\%$	1%
$\leq 2\%$	2%
$\leq 3\%$	3%
$\leq 4\%$	4%
$\leq 5\%$	5%
$\leq 6\%$	6%
$\leq 7\%$	7%
$\leq 8\%$	8%
$\leq 9\%$	9%
$\leq 10\%$	10%
$\leq 11\%$	11%

Tỷ lệ free-float chưa làm tròn	f làm tròn
$\leq 12\%$	12%
$\leq 13\%$	13%
$\leq 14\%$	14%
$\leq 15\%$	15%
$\leq 20\%$	20%
$\leq 25\%$	25%
$\leq 30\%$	30%
$\leq 35\%$	35%
$\leq 40\%$	40%
$\leq 45\%$	45%
$\leq 50\%$	50%

Tỷ lệ free-float chưa làm tròn	f làm tròn
$\leq 55\%$	55%
$\leq 60\%$	60%
$\leq 65\%$	65%
$\leq 70\%$	70%
$\leq 75\%$	75%
$\leq 80\%$	80%
$\leq 85\%$	85%
$\leq 90\%$	90%
$\leq 95\%$	95%
$\leq 100\%$	100%

- 8.1.3.2. Tỷ lệ free-float của tất cả cổ phiếu thành phần trong chỉ số sẽ được điều chỉnh toàn bộ theo định kỳ 3 tháng/lần theo thời gian được quy định tại Mục 4.1 Quy tắc này.
- 8.1.3.3. Khi điều chỉnh tỷ lệ free-float, Hệ số chia sẽ được điều chỉnh tương ứng để đảm bảo tính liên tục của chỉ số theo quy định tại Mục 8.2 Quy tắc này.
- 8.1.3.4. Trong những trường hợp đặc biệt, HOSE có thể xem xét điều chỉnh tỷ lệ free-float vào giữa kỳ.

8.1.4. Giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu (c)

- 8.1.4.1. Để tránh tình trạng một cổ phiếu đơn lẻ hay một nhóm cổ phiếu có liên quan, một nhóm cổ phiếu cùng ngành trong chỉ số chiếm tỷ trọng vốn hóa quá lớn, tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu đơn lẻ và/hoặc nhóm cổ phiếu có liên quan và/hoặc nhóm cổ phiếu cùng ngành sẽ được giới hạn ở một ngưỡng xác định.
- 8.1.4.1.1. Các ngưỡng giới hạn tỷ trọng vốn hóa cho cổ phiếu được quy định tại Quy tắc chỉ số cụ thể. Nếu không được đề cập hoặc không áp dụng, ngưỡng giới hạn tỷ trọng vốn hóa này là 100% (không áp dụng giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu).
- 8.1.4.1.2. Nhóm cổ phiếu có liên quan gồm công ty mẹ và các công ty con được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét/kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm gần nhất tại Ngày chốt dữ liệu.
- 8.1.4.1.3. Nhóm cổ phiếu cùng ngành là các cổ phiếu thuộc cùng một phân ngành cấp 1 theo chuẩn phân ngành GICS® hoặc theo quy định khác tại Quy tắc chỉ số cụ thể.
- 8.1.4.2. Công thức tính giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu

$$c_i = \frac{Z}{I \times (p_i \times s_i \times f_i \times g_i)} \sum_{j=1}^J (p_j \times s_j \times f_j \times g_j)$$

Trong đó:

- i : cổ phiếu đơn lẻ, nhóm cổ phiếu có liên quan, nhóm cổ phiếu cùng ngành vượt quá ngưỡng giới hạn tỷ trọng vốn hóa
- j : cổ phiếu đơn lẻ, nhóm cổ phiếu có liên quan, nhóm cổ phiếu cùng ngành không vượt quá ngưỡng giới hạn tỷ trọng vốn hóa
- J : tập hợp các cổ phiếu đơn lẻ, nhóm cổ phiếu có liên quan, nhóm cổ phiếu cùng ngành không bị giới hạn tỷ trọng vốn hóa
- p : giá đóng cửa của cổ phiếu
- s : khối lượng lưu hành tính chỉ số của cổ phiếu

- f: tỷ lệ free-float của cổ phiếu
- g: giới hạn trọng số của cổ phiếu
- I: tổng tỷ trọng vốn hóa của các cổ phiếu không bị giới hạn tỷ trọng
- Z: ngưỡng giới hạn tỷ trọng vốn hóa

8.1.4.3. Việc điều chỉnh tỷ trọng vốn hóa sẽ được thực hiện lần lượt như sau:

8.1.4.3.1. Điều chỉnh tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu đơn lẻ, nhóm cổ phiếu xuống bằng ngưỡng giới hạn quy định, theo công thức tại Mục 8.1.4.2 Quy tắc này.

Đối với chỉ số áp dụng đồng thời ngưỡng giới hạn tỷ trọng vốn hóa cho cổ phiếu đơn lẻ, nhóm cổ phiếu có liên quan và nhóm cổ phiếu cùng ngành, tỷ trọng nhóm cổ phiếu có liên quan và nhóm cổ phiếu cùng ngành được điều chỉnh đồng thời cùng với các cổ phiếu đơn lẻ.

8.1.4.3.2. Nếu việc điều chỉnh làm cho tỷ trọng vốn hóa của một cổ phiếu đơn lẻ hoặc một nhóm cổ phiếu nào khác trong rổ chỉ số tăng lên và vượt quá ngưỡng giới hạn quy định thì quy trình tính toán sẽ được lặp lại cho đến khi tất cả cổ phiếu và các nhóm cổ phiếu trong rổ đều có tỷ trọng vốn hóa không vượt quá ngưỡng giới hạn.

8.1.4.3.3. Trường hợp sau bước tính toán tại Mục 8.1.4.3.2 Quy tắc này, trong nhóm cổ phiếu có liên quan hoặc nhóm cổ phiếu cùng ngành có cổ phiếu đơn lẻ vượt quá ngưỡng quy định, phần giá trị vốn hóa vượt ngưỡng quy định sẽ được phân bổ lại theo tỷ trọng vốn hóa ban đầu cho các cổ phiếu còn lại thuộc nhóm cổ phiếu đó.

8.1.4.4. Quy trình tính toán giới hạn tỷ trọng vốn hóa sử dụng giá đóng cửa và khối lượng lưu hành tính chỉ số (hoặc giá đóng cửa điều chỉnh, khối lượng lưu hành tính chỉ số điều chỉnh nếu cổ phiếu có sự kiện doanh nghiệp) của cổ phiếu thành phần thuộc rổ chỉ số tại ngày giao dịch liền trước Ngày công bố kết quả Cập nhật thông tin theo quy định tại Mục 4.1 Quy tắc này. Trong trường hợp có sự thay đổi thành phần theo Mục 5.2 Quy tắc này, giới hạn tỷ trọng vốn hóa cổ phiếu thành phần của chỉ số sẽ được cập nhật lại, sử dụng các dữ liệu tại ngày giao dịch liền trước Ngày hiệu lực Cập nhật thông tin theo quy định tại Mục 4.1 Quy tắc này.

8.1.4.5. Trong trường hợp có biến động đặc biệt về giá trị vốn hóa hoặc thay đổi về cổ phiếu thành phần của rổ chỉ số trong kỳ, quy trình tính toán giới hạn tỷ trọng vốn hóa sử dụng giá đóng cửa và khối lượng lưu hành tính chỉ số (hoặc giá đóng cửa điều chỉnh, khối lượng lưu hành tính chỉ số điều chỉnh nếu cổ phiếu có sự kiện doanh nghiệp) của cổ phiếu thành phần thuộc rổ chỉ số tại ngày giao dịch liền trước ngày công bố thông tin.

8.1.4.6. Thay đổi giới hạn tỷ trọng vốn hóa

- 8.1.4.6.1. Việc xem xét và điều chỉnh giới hạn tỷ trọng vốn hóa sẽ được thực hiện định kỳ 3 tháng/lần và có hiệu lực áp dụng tại Ngày hiệu lực Cập nhật thông tin theo quy định tại Mục 4.1 Quy tắc này hoặc được tính lại khi có biến động đặc biệt về giá trị vốn hóa hoặc thay đổi về cổ phiếu thành phần của rổ chỉ số trong kỳ. Khi điều chỉnh giới hạn tỷ trọng vốn hóa, Hệ số chia cũng sẽ được điều chỉnh để đảm bảo tính liên tục của chỉ số theo quy định tại Mục 8.2 Quy tắc này.
- 8.1.4.6.2. Trường hợp có thay đổi cổ phiếu thành phần của rổ chỉ số kết hợp với sự kiện doanh nghiệp, giới hạn tỷ trọng vốn hóa sẽ được tính toán lại ở bước cuối cùng sau khi đã cập nhật xong sự kiện doanh nghiệp.
- 8.1.4.6.3. Thời gian công bố thông tin, hiệu lực của các thay đổi về giới hạn tỷ trọng vốn hóa được nêu trong Chính sách công bố thông tin tại Mục 10 Quy tắc này.

8.1.5. Giới hạn trọng số của cổ phiếu (g)

Giới hạn trọng số của cổ phiếu (g) là hệ số điều chỉnh được quy định tại Quy tắc chỉ số cụ thể.

Nếu không được đề cập hoặc không áp dụng, giới hạn trọng số này là 100% (không áp dụng giới hạn trọng số của cổ phiếu).

8.2. Hệ số chia

Tại ngày cơ sở, Hệ số chia bằng Giá trị vốn hóa thị trường vào thời điểm đóng cửa chia cho Điểm cơ sở của chỉ số.

Trong trường hợp có sự tăng hoặc giảm giá trị vốn hóa thị trường mà nguyên nhân không phải do sự biến động giá thị trường mà là do các sự kiện doanh nghiệp hoặc các thay đổi về số lượng cổ phiếu thành phần, Hệ số chia cần phải được điều chỉnh để đảm bảo tính liên tục của chỉ số. Nguyên tắc điều chỉnh Hệ số chia là làm cho chỉ số trước và sau khi có biến động là bằng nhau.

Chỉ số sau điều chỉnh = Chỉ số trước điều chỉnh

$$\frac{CMV_{sau}}{Hệ\ số\ chia_{sau}} = \frac{CMV_{trước}}{Hệ\ số\ chia_{trước}}$$

$$Hệ\ số\ chia_{sau} = \frac{CMV_{sau}}{CMV_{trước}} \times Hệ\ số\ chia_{trước}$$

Trong đó:

- Hệ số chia_{trước}: Hệ số chia trước khi điều chỉnh
- CMV_{trước}: Giá trị vốn hóa thị trường trước khi điều chỉnh

- Hệ số chia_{sau}: Hệ số chia sau khi điều chỉnh
- CMV_{sau}: Giá trị vốn hóa thị trường sau khi điều chỉnh

Dưới đây là bảng tóm tắt các sự kiện cần phải điều chỉnh Hệ số chia:

STT	Sự kiện	Thời điểm điều chỉnh Hệ số chia
1	Chia cổ tức bằng tiền mặt	
1.1	Cổ tức bằng tiền mặt thông thường: (Giá trị cổ tức bằng tiền mặt < 10% giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền).	Không điều chỉnh Hệ số chia.
1.2	Cổ tức bằng tiền mặt đặc biệt: (Giá trị cổ tức bằng tiền mặt ≥ 10% giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền).	Điều chỉnh cuối ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền (T-1).
2	Tăng vốn	
2.1	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành < giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền sau khi đã điều chỉnh các quyền khác (nếu có).	Điều chỉnh cuối ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền (T-1).
2.2	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành ≥ giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền sau khi đã điều chỉnh các quyền khác (nếu có).	Không điều chỉnh Hệ số chia.
2.3	Phát hành quyền cho cổ đông hiện hữu với giá quyền = 0: - Phát hành cổ phiếu thưởng. - Trả cổ tức bằng cổ phiếu.	Không điều chỉnh Hệ số chia.
3	Tăng vốn khác	

STT	Sự kiện	Thời điểm điều chỉnh Hệ số chia
3.1	- Phát hành riêng lẻ (PP) cho đối tác chiến lược/nhân viên công ty. - Phát hành ra công chúng (PO).	Điều chỉnh cuối ngày trước ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực (T-1).
3.2	Tăng vốn do sáp nhập/mua lại.	Điều chỉnh cuối ngày trước ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực (T-1).
3.3	- Chuyển đổi cổ phiếu ưu đãi. - Chuyển đổi trái phiếu.	Điều chỉnh cuối ngày trước ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực (T-1).
4	Giảm vốn - Giảm vốn do điều chỉnh giảm khối lượng lưu hành tính chỉ số khi có quyết định thay đổi đăng ký niêm yết do phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (điều chỉnh số lượng dự kiến phát hành thành số lượng thực tế đã phát hành) - Các trường hợp giảm vốn khác	Điều chỉnh cuối ngày trước ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực (T-1).
5	Tách/gộp mệnh giá cổ phiếu	Không điều chỉnh Hệ số chia.
6	Thay đổi tỷ lệ free-float, khối lượng lưu hành tính chỉ số khác	Điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần vào cuối ngày giao dịch liền trước Ngày hiệu lực Cập nhật thông tin
7	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa	Điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần vào cuối ngày giao dịch liền trước Ngày hiệu lực Cập nhật thông tin hoặc khi thay đổi thành phần cổ phiếu trong kỳ.
8	Loại bỏ/thay thế cổ phiếu khỏi rổ chỉ số trong kỳ	Điều chỉnh Hệ số chia cuối ngày trước ngày áp dụng chính thức loại bỏ/thay thế cổ phiếu.
9	Xem xét định kỳ rổ chỉ số	Điều chỉnh Hệ số chia vào cuối ngày trước ngày rổ mới có hiệu lực.

Các thay đổi phát sinh ngoài các trường hợp nêu trên sẽ được điều chỉnh theo thực tế.

9. PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CHỈ SỐ TỔNG THU NHẬP

- 9.1. Chỉ số tổng thu nhập được tính toán căn cứ trên chỉ số gốc là Chỉ số giá tương ứng.
- 9.2. Việc tính toán chỉ số tổng thu nhập được thực hiện đối với các trường hợp chia cổ tức bằng tiền mặt thông thường có giá trị cổ tức < 10% giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền.
- 9.3. Việc tính toán chỉ số tổng thu nhập được thực hiện với giả thiết cổ tức bằng tiền mặt đã sẵn sàng vào ngày giao dịch không hưởng quyền và được tái đầu tư vào rổ chỉ số vào đầu ngày giao dịch không hưởng quyền.
- 9.4. Cổ tức tái đầu tư vào chỉ số là cổ tức gộp (chưa trừ thuế).
- 9.5. Các trường hợp điều chỉnh do có sự kiện doanh nghiệp đối với chỉ số tổng thu nhập sẽ được điều chỉnh và phản ánh trong chỉ số giá tương ứng.
- 9.6. Công thức tính chỉ số

$$\begin{aligned}
 TRI_t &= TRI_{t-1} \times (1 + \text{PriceReturn}_t + \text{DividendYield}_t) \\
 &= TRI_{t-1} \times \left(1 + \frac{IA_t - IA_{t-1}}{IA_{t-1}} + \frac{\text{IndexDividend}_t}{IA_{t-1}} \right) \\
 &= TRI_{t-1} \times \left(1 + \frac{IA_t - IA_{t-1}}{IA_{t-1}} + \frac{\frac{\sum_{i=1}^n \text{DPS}_i \times s_i \times f_i \times c_i \times g_i}{\text{Hệ số chia}_t}}{IA_{t-1}} \right)
 \end{aligned}$$

Trong đó:

- TRI_t : chỉ số tổng thu nhập tại ngày t
- TRI_{t-1} : chỉ số tổng thu nhập tại ngày t-1
- PriceReturn_t : thay đổi chỉ số giá tại ngày t so với ngày t-1
- DividendYield_t : lợi suất cổ tức tại ngày t
- IA_t : chỉ số A tại ngày t
- IA_{t-1} : chỉ số A tại ngày t-1
- IndexDividend_t : số điểm chỉ số được cộng thêm từ cổ tức tiền mặt được tái đầu tư của các cổ phiếu có mặt trong rổ chỉ số giá A tại ngày t
- DPS_i : cổ tức bằng tiền mặt trên một cổ phiếu của cổ phiếu i thuộc chỉ số vào ngày t
- s_i : khối lượng lưu hành tính chỉ số của cổ phiếu i tại ngày t-1
- f_i : tỷ lệ free-float làm tròn của cổ phiếu i tại ngày t
- c_i : giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu i tại ngày t

- g_i : giới hạn trọng số của cổ phiếu i
- Hệ số chia_t: Hệ số chia của chỉ số giá A vào ngày t

10. CHÍNH SÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

10.1. Các thay đổi về chỉ số, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt, sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của HOSE (www.hsx.vn) theo thời gian như sau:

STT	Nội dung công bố	Thời gian công bố
A	Thay đổi định kỳ	Theo quy định tại Mục 3.5 Quy tắc này
B	Thay đổi trong kỳ	
1	Loại bỏ/thay thế cổ phiếu trong rổ (cổ phiếu bị loại bỏ/thay thế, giới hạn tỷ trọng vốn hóa).	04 ngày làm việc trước ngày áp dụng chính thức vào rổ chỉ số.
2	Sự kiện doanh nghiệp	Phương pháp xử lý các sự kiện doanh nghiệp được công bố theo quy định hiện hành của HOSE.
3	Quy tắc chỉ số	Ít nhất 30 ngày trước ngày chính thức hiệu lực. Tuy nhiên, thời gian trên có thể linh động nếu các thay đổi không mâu thuẫn với quyền lợi của các bên liên quan.
C	Các công bố khác	Công bố trong thời gian sớm nhất.

10.2. Trong trường hợp ngày công bố thông tin và/hoặc Ngày hiệu lực trùng với ngày nghỉ lễ, Tết thì ngày công bố thông tin và/hoặc Ngày hiệu lực sẽ là ngày giao dịch đầu tiên ngay sau đó.

10.3. Thời gian công bố thông tin đối với chỉ số tính toán lần đầu tiên có thể thay đổi tùy theo thực tế.

11. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Để biết thêm thông tin về phương pháp xây dựng, tính toán chỉ số, dịch vụ cấp quyền sử dụng chỉ số và cung cấp thông tin, vui lòng truy cập trang thông tin điện tử hoặc liên hệ phòng Thông tin thị trường – Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HOCHIMINH
STOCK EXCHANGE

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỊA CHỈ: SỐ 16, ĐƯỜNG VÕ VĂN KIẾT, PHƯỜNG BẾN THÀNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

SỐ ĐT: (84-28) 38 217 713, SỐ FAX: (84-28) 38 217 452

WEBSITE: <https://www.hsx.vn>

EMAIL: index@hsx.vn



Phụ lục
(Kèm theo Quyết định số 456/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch công ty Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Phương pháp tính bình quân của trung vị giá trị giao dịch hàng ngày trong tháng của 12 tháng

Bước 1: Xác định *Trung vị giá trị giao dịch hàng ngày trong tháng* bằng cách sắp xếp theo thứ tự giảm dần giá trị giao dịch hàng ngày trong tháng, chọn giá trị ở giữa làm trung vị (trong trường hợp có 2 ngày ở giữa thì sẽ lấy giá trị bình quân của 2 ngày này).

Ví dụ: Cổ phiếu A đã niêm yết đủ 12 tháng. GTGD hàng ngày của cổ phiếu A như sau:

Ngày GD trong tháng 1	GTGD	Ngày GD trong tháng 2	GTGD	...	Ngày GD trong tháng 12	GTGD
1	5000	1	6520	...	1	7800
2	4500	2	6500	...	2	7750
3	4250	3	5500	...	3	7500
4	4000	4	4000	...	4	6200
5	3750			...	5	6110
Trung vị 1	4250	Trung vị 2	$= (6500+5500)/2 = 6000$		Trung vị 12	7500

Bước 2: Tính *Bình quân của trung vị giá trị giao dịch hàng ngày trong tháng của 12 tháng* (đối với cổ phiếu có thời gian niêm yết dưới 12 tháng, tính từ thời điểm niêm yết tới Ngày chốt dữ liệu) theo công thức sau:

$$\text{Bình quân} = (\text{Trung vị 1} + \text{Trung vị 2} + \dots + \text{Trung vị 12})/12$$

Ví dụ: Cổ phiếu B đã niêm yết từ tháng 5. Chốt dữ liệu xem xét vào tháng 12. GTGD hàng ngày của cổ phiếu B như sau:

Ngày GD trong tháng 5	GTGD	Ngày GD trong tháng 6	GTGD	...	Ngày GD trong tháng 12	GTGD
1	5000	1	6520	...	1	7800
2	4500	2	6500	...	2	7750
3	4250	3	5500	...	3	7500
4	4000	4	4000	...	4	6200
5	3750			...	5	6110
Trung vị 5	4250	Trung vị 6	$= (6500+5500)/2 = 6000$		Trung vị 12	7500

Bình quân của trung vị trong tháng của cổ phiếu B:

$$\text{Bình quân} = (\text{Trung vị 5} + \text{Trung vị 6} + \dots + \text{Trung vị 12})/8$$

2. Xác định Tập hợp cổ phiếu có GTVH_f tích lũy x%

Bước 1: Sắp xếp các cổ phiếu trong tập hợp rổ cổ phiếu theo thứ tự giảm dần về GTVH_f.

Bước 2: Tập hợp cổ phiếu có GTVH_f tích lũy x% được xác định là tập hợp rổ cổ phiếu từ trên xuống đến cổ phiếu đầu tiên có GTVH_f tích lũy % đạt hoặc vượt mốc x%.

Ví dụ: xác định Tập hợp cổ phiếu có GTVH_f tích lũy 90,00%:

STT	Cổ phiếu	GTVH_f ↓	GTVH_f tích lũy	GTVH_f tích lũy %
1	AAA	205.000	205.000	13,7%
2	BBB	200.000	405.000	27,1%
3	CCC	195.000	600.000	40,1%
4	DDD	192.000	792.000	52,9%
5	EEE	190.000	982.000	65,6%
6	FFF	150.000	1.132.000	75,7%
7	GGG	130.000	1.262.000	84,4%
8	HHH	87.000	1.349.000	90,2%
9	KKK	75.000	1.424.000	95,2%
10	LLL	72.000	1.496.000	100,0%
Tổng cộng		1,496,000		

HHH là cổ phiếu đầu tiên có GTVH_f tích lũy % vượt mốc 90,00%, do đó, Tập hợp cổ phiếu có GTVH_f tích lũy 90% bao gồm các cổ phiếu AAA, BBB, CCC, DDD, EEE, FFF, GGG và HHH.